

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2016/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy định định mức và mức chi thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển
sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg

ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2283/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc Quy định định mức và mức chi thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định định mức và mức chi thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi hỗ trợ

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng hỗ trợ

a) *Hộ nghèo, hộ cận nghèo*: Được xác định theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

b) *Nhóm hộ*: Áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và

Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

3. Nội dung hỗ trợ và định mức, mức chi cụ thể

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công giúp người dân nâng cao kiến thức phát triển kinh tế hộ gia đình, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tiếp cận tín dụng, thông tin thị trường, sử dụng đất đai có hiệu quả.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất; hợp tác với các tổ chức và doanh nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với bảo quản, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ tạo điều kiện cho người dân tham quan học tập nhân rộng mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả.

- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, có giá trị cao trên thị trường theo nhu cầu của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương; hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ vật tư phục vụ chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phát triển sản xuất, cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư về dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm; giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào kế hoạch sản xuất của hộ, nhóm hộ đã được xác định để phát triển sản xuất trên địa bàn xã.

- Vốn để thực hiện các nội dung trên phải được lồng ghép từ các nguồn vốn: Vốn Chương trình 135, vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, vốn tự có, vốn huy động từ các nguồn khác để tập trung nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất có hiệu quả.

b) Định mức và mức chi cụ thể: Định mức và mức chi hỗ trợ cụ thể các nội dung theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ một dự án (mô hình)/năm; tùy theo từng mô hình cụ thể, hộ nghèo, cận nghèo được hỗ trợ một lần chi phí/năm để triển khai thực hiện mô hình.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu Ủy ban nhân dân tỉnh có đề nghị điều chỉnh, bổ sung Quy định định mức và mức chi thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương để quyết định việc điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. *✓*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, T.Duy 190



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng

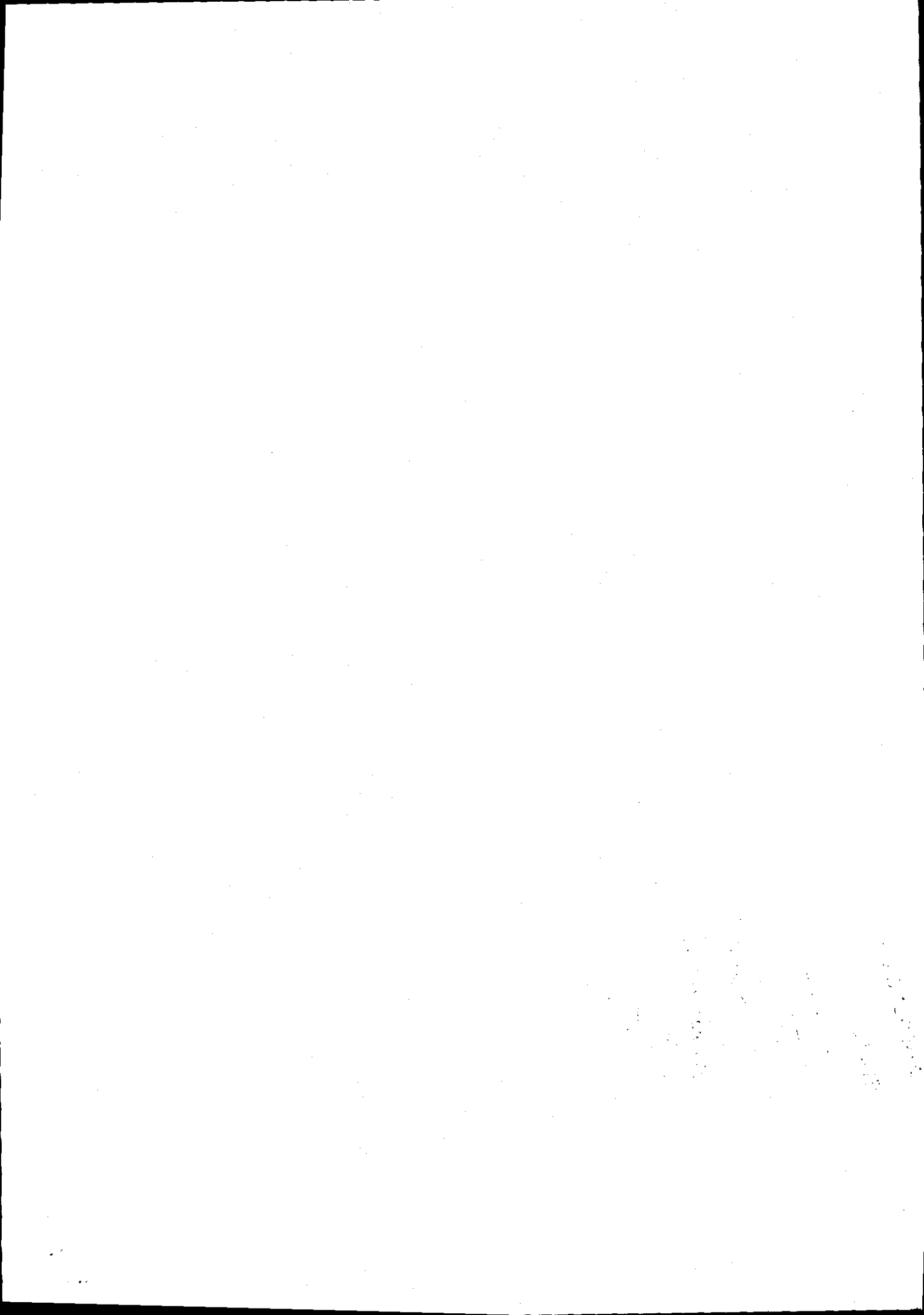
Phụ lục



**PHỤ LỤC NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC, MỨC CHI THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH 135 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54-/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

STT	Nội dung chi hỗ trợ	Định mức, mức chi hỗ trợ
I	Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư nâng cao kiến thức sản xuất, kiến thức về thị trường cho nông dân để sản xuất có hiệu quả, nâng cao thu nhập	
1	Tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quy trình sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản, chế biến nông lâm sản; thông tin về thị trường, giá cả đến các hộ dân	
	a) Chi hợp đồng tuyên truyền trên Đài phát thanh, truyền hình, báo chí về phổ biến tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thông tin thị trường; chi mua và phát hành các ấn phẩm truyền thông	Theo thực tế và có dự toán được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.
	b) Chi hoạt động truyền thanh tại cộng đồng thôn, xã về nâng cao năng lực giảm nghèo bền vững	
	- Chi biên tập.	75.000 đồng/trang 350 từ.
	- Chi bồi dưỡng phát thanh viên.	Bồi dưỡng phát thanh viên 15.000 đồng/lần, trường hợp phát thanh bằng tiếng dân tộc 20.000 đồng/lần.
2	Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất	
	a) Xây dựng kế hoạch tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất gắn với từng mô hình sản xuất trong phạm vi địa bàn tỉnh và ngoài địa bàn tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán đề nghị Phòng Tài Chính - Kế hoạch và Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn huyện thẩm định trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt).	
	b) Tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm	
	- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế.	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.



STT	Nội dung chi hỗ trợ	Định mức, mức chi hỗ trợ
	- Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian tham quan, học tập.	Tối đa 100.000 đồng/người/ngày.
	- Hỗ trợ tiền phòng nghỉ.	Tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày.
3	Tập huấn, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, năng lực sản xuất, kỹ năng quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	
	a) Hỗ trợ cho học viên tham dự các lớp đào tạo ngắn hạn, tập huấn, truyền nghề	
	- Chi phí tài liệu học.	100%
	- Tiền ăn.	- Không quá 25.000 đồng/ ngày thực học/ người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã; - Không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện, thị xã; - Không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố.
	- Hỗ trợ tiền phương tiện đi lại.	- Theo giá vé phương tiện vận tải hành khách công cộng chiều đi và về với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. - Đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.
	- Chi chỗ ở cho người học.	Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ (<i>chi phí điện, nước, chi phí khác nếu có</i>). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 200.000 đồng/người/ngày.
	b) Chi cho giảng viên, báo cáo viên	
	- Đối với các lớp đào tạo, truyền nghề.	Giáo viên được hưởng theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg.
	- Đối với các lớp tập huấn kỹ thuật ngắn ngày, hội thảo kèm theo các mô hình trình diễn tổ chức tại thôn, xã.	

STT	Nội dung chi hỗ trợ	Định mức, mức chi hỗ trợ
	+ Báo cáo viên đối với các lớp tập huấn.	25.000 đồng/giờ (ngoài công tác phí).
	+ Hướng dẫn thực hành.	100.000 đồng/ngày/người (ngoài công tác phí).
	+ Báo cáo viên tại hội thảo.	100.000 đồng/ngày/người (ngoài công tác phí).
	+ Biên soạn tài liệu.	45.000 đồng/trang A4, chỉnh lý 15.000 đồng/trang A4.
	c) Các khoản chi khác	
	- Thuê hội trường.	200.000 đồng/ngày.
	- Nước uống.	3.000 đồng/ngày/người.
	- Phục vụ lớp tập huấn.	50.000 đồng/ngày/người.
	- Chi phí tài liệu học tập, tài liệu photo và chi phí khác.	Thực hiện theo thực tế phát sinh, đảm bảo hóa đơn chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định.
II	Hỗ trợ triển khai xây dựng mô hình trình diễn và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả, tiên tiến	
1	Hỗ trợ triển khai xây dựng mô hình trình diễn	
	a) Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân tham gia mô hình	
	- Mô hình trình diễn chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi các giống cây, con mới cho năng suất cao, chất lượng tốt, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản). Định mức kỹ thuật (giống và vật tư) đối với từng loại cây trồng, con nuôi áp dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (Chỉ áp dụng đối với hộ nghèo, cận nghèo)	Tối đa 100% mức chi phí về giống và vật tư chính.
	- Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, nghề muối và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị... áp dụng hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo hoặc nhóm hộ có lập dự án được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt:	
	+ Đối với hộ nghèo, cận nghèo.	100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình.
	+ Đối với nhóm hộ.	Được hỗ trợ 100% chi phí theo dự án được phê duyệt.
	b) Chi tổ chức triển khai mô hình trình diễn	

STT	Nội dung chi hỗ trợ	Định mức, mức chi hỗ trợ
	- Chi tổ chức lớp tập huấn đầu vụ sản xuất: hướng dẫn kỹ thuật, quy trình cho người tham gia mô hình; tổ chức hội thảo đầu bờ cuối vụ sản xuất tổng kết mô hình và các khoản chi khác (công tác phí khảo sát, chọn hộ; hỗ trợ cán bộ kỹ thuật theo dõi, chỉ đạo thực hiện mô hình; công tác phí kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá tổng kết mô hình).	Tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình.
	- Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật trực tiếp đến tận hộ hướng dẫn thực hiện mô hình cho đến khi mô hình có kết quả.	
	+ Chi công tác phí.	Theo quy định hiện hành.
	+ Hỗ trợ cho cán bộ.	50.000 đồng/người/ngày đi thực địa.
	- Chi phí quản lý, nghiệm thu mô hình (Chi phí cho công tác tổ chức, chỉ đạo mô hình trình diễn áp dụng).	Theo Quyết định 1163/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; theo đó, Đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung, mô hình trong phạm vi dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được chi không quá 4% dự toán kinh phí để chi công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát và chi khác.
2	Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.	
	- Chi hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ.	15 triệu đồng/1 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến.
	- Các mức chi hỗ trợ cho người tham gia mô hình, báo cáo viên, hướng dẫn viên thực hành kỹ thuật, các khoản chi khác.	Theo khoản 3, Mục I Phụ lục này.
III	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vật tư sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tự thực hiện mô hình theo cơ chế hỗ trợ trọn gói khi được lựa chọn tham gia thực hiện mô hình	

STT	Nội dung chi hỗ trợ	Định mức, mức chi hỗ trợ
	<p>- Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản cho năng suất cao, chất lượng tốt và có giá trị cao trên thị trường đáp ứng nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương; phân hóa học, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vắc xin tiêm phòng các dịch bệnh nguy hiểm cho gia súc, gia cầm và các vật tư khác.</p> <p>- Căn cứ nội dung hỗ trợ thực hiện mô hình đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt; hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ một lần chi phí bằng tiền mặt để mua giống, vật tư thiết yếu triển khai thực hiện mô hình đồng loạt, diện rộng trên địa bàn xã, thôn. Việc sử dụng tiền hỗ trợ do hộ nghèo, cận nghèo tự quyết định phù hợp với mô hình sản xuất đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương.</p> <p><i>(Về định mức kỹ thuật áp dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</i></p>	<p>Hỗ trợ 100% mức chi phí về giống và vật tư thiết yếu đối với các hộ nghèo, cận nghèo. Mức hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đồng/hộ/lần hỗ trợ đối với hộ nghèo, cận nghèo.</p>
IV	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị máy móc, công cụ sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch	
	<p>Hỗ trợ máy bơm nước, cắt cỏ, xịt thuốc cho sản xuất nông nghiệp và máy sấy, bảo quản, chế biến nông, lâm sản, công cụ, trang thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.</p>	<p>Theo từng dự án được duyệt, nhưng hỗ trợ tối thiểu 7.000.000 đồng/hộ đối với hộ nghèo, cận nghèo.</p>
V	Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật cấp xã, huyện tham gia chỉ đạo, quản lý Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	<p>Theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.</p>